

DOI: 10.59715/pntjimp.4.2.17

## Đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo khối ngành sức khỏe tại các trường Đại học ở Việt Nam đạt chuẩn kiểm định bởi các tổ chức Quốc tế, năm 2023

Phan Nguyễn Thanh Vân<sup>1</sup>, Hồ Nguyễn Anh Tuấn<sup>1</sup>, Đặng Trần Ngọc Thanh<sup>1</sup>, Lâm Thị Thu Tâm<sup>1</sup>, Lê Văn Tĩnh<sup>1</sup>, Cao Nguyễn Hoài Thương<sup>1</sup>, Hồ Thị Trúc Phương<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

### Tóm tắt

**Đặt vấn đề:** Chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục thông qua đánh giá từ người học là một bằng chứng khác quan, cung cấp những bằng chứng xác thực phản ánh về chất lượng của cơ sở giáo dục. Việc đánh giá cần được tiến hành thường xuyên, sẽ tác động tích cực tới việc nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục.

**Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định mức độ đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo (CTĐT) khối ngành sức khỏe tại các trường đại học ở Việt Nam đạt chuẩn kiểm định bởi các tổ chức quốc tế, năm 2023.

**Phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang trên 99 sinh viên đang học năm cuối ở khối ngành sức khỏe tại các trường đại học ở Việt Nam đạt chuẩn kiểm định bởi các tổ chức quốc tế, năm 2023.

**Kết quả:** Đánh giá của sinh viên về CTĐT ở 6 nội dung cụ thể là: Về khối lượng đào tạo, mức độ tốt đạt tỷ lệ 91,9%; về nội dung giảng dạy, mức độ tốt đạt 79,8%; về phương pháp giảng dạy, mức độ tốt đạt 79,8%; về tổ chức và quản lý đào tạo, mức độ tốt đạt 69,7%; về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, kết nối giảng dạy - nghiên cứu khoa học, mức độ tốt đạt 84,8%; về tài chính và kiểm định CTĐT, mức độ tốt đạt 82,8%. Đánh giá chung của sinh viên về CTĐT ở mức độ tốt đạt 86,9%.

**Kết luận:** Đánh giá từ sinh viên về CTĐT ở mức độ tốt đạt 86,9%.

**Từ khóa:** Chương trình đào tạo, sinh viên đạt chuẩn quốc tế.

### Abstract

#### Students' assessment on the health sector training programs at universities in vietnam assessed standards assessed by international organizations, in 2023

**Background:** The quality of the educational institution's training through assessment from learners is another piece of evidence, providing authentic evidence that reflects the quality of the educational institution. The assessment should be conducted regularly, which will positively impact improving the quality of the educational institution.

**Objective:** Determine the extent to which students' evaluation of the health sector training program at universities in Vietnam meets the standards accredited by international organizations, 2023.

**Methods:** 99 students in their final year in the health sector at universities in Vietnam who meet standards accredited by international organizations, in 2023, are involved in this Cross-sectional description.

**Ngày nhận bài:**

07/8/2023

**Ngày phản biện:**

20/9/2023

**Ngày đăng bài:**

20/10/2023

**Tác giả liên hệ:**

Hồ Nguyễn Anh Tuấn

**Email:**

drhotuan.pnt@gmail.com

**ĐT:** 0916936380

**Results:** Students' evaluation of the education program in 6 specific contents: In terms of training volume, the good level reached 91.9%; in terms of teaching content, the good level reached 79.8%; in terms of teaching methods, the good level reached 79.8%; on training organization and management, the good level reached 69.7%; in terms of facilities, equipment for teaching, connection of teaching - scientific research, the good level reached 84.8%; in finance and training program accreditation, the good level reached 82.8%. The overall assessment of students about the training program is at the proficient level of 86.9%.

**Conclusion:** Evaluation from students about the training program was at a factor of 86.9%.

**Keywords:** Training programs, students; international standard.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh các lĩnh vực của Việt Nam hòa nhập sâu rộng với thế giới như hiện nay, khối ngành sức khỏe cũng không phải ngoại lệ, việc hòa nhập trong lĩnh vực sức khỏe sẽ mang lại cho Việt Nam những phương pháp giáo dục, kiến thức và kỹ năng tiên tiến, giúp cho các cơ sở giáo dục có đào tạo khối ngành sức khỏe cho ra những sản phẩm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Việc thu thập các ý kiến từ sinh viên đang trực tiếp học về chương trình đào tạo (CTĐT) và việc làm vô cùng cần thiết; từ những ý kiến này, các nhà quản lý giáo dục sẽ điều chỉnh, cải thiện chương trình cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Trong quá trình triển khai giảng dạy các chương trình đạt chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế tại các trường Đại học đã đi vào chiều sâu, thực chất hay chưa? Những người trực tiếp học đánh giá về CTĐT này như thế nào? Do đó, việc khảo sát CTĐT tạo tại các trường có đào tạo khối ngành sức khỏe có kiểm định chất lượng quốc tế đối với trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch là một việc là vô cùng cần thiết.

Trường đại học y Khoa Phạm Ngọc Thạch hàng năm tuyển mới khoảng 1350 sinh viên [3]; Với mục tiêu xác định mức độ đánh giá của sinh viên về CTĐT khối ngành sức khỏe tại các trường Đại học ở Việt Nam đạt chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế, năm 2023, chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài nghiên cứu: Đánh giá của sinh viên về CTĐT khối ngành sức khỏe tại các trường Đại học ở Việt Nam đạt chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế, năm 2023.

Vi, kết quả khảo sát này đóng vai trò định hướng giúp trường có cơ sở đánh giá, tham chiếu và thực hiện các chiến lược nhằm nâng

chất lượng CTĐT, tăng năng lực cạnh tranh, khẳng định vị thế trong nước và trên trường quốc tế.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên đối tượng sinh viên đang theo học năm cuối tại các trường Đại học ở Việt Nam đào tạo khối ngành sức khỏe đạt chuẩn kiểm định CTĐT quốc tế từ tháng 2 đến tháng 8/2023. Với kỹ thuật chọn mẫu cụm bậc 1 được sử dụng, tổng số 99 sinh viên đang theo học 9 CTĐT tại 6 trường Đại học được khảo sát, cụ thể: Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh sinh viên đang theo học chương trình Y đa khoa, Dược học và Cử nhân Điều dưỡng; trường Đại học Y Hà Nội sinh viên đang theo học chương trình Cử nhân Điều dưỡng; trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên sinh viên đang theo học chương trình Y đa khoa và Cử nhân Điều dưỡng; Đại học Trà Vinh sinh viên đang theo học chương trình Cử nhân Điều dưỡng; Trường Đại học Quốc tế Miền Đông sinh viên đang theo học chương trình Cử nhân Điều dưỡng; Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh sinh viên đang theo học chương trình Y đa khoa.

Bộ câu hỏi được thiết kế cho phù hợp Công văn số 1669/BGDĐT-NGCBLGD của Bộ Giáo dục và Đào tạo; gồm 43 câu với 8 nội dung: Khối lượng đào tạo (8 câu); Nội dung giảng dạy (4 câu); Phương pháp giảng dạy, đánh giá (6 câu); Tổ chức và quản lý đào tạo (10 câu); Cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy (6 câu); Kết nối giảng dạy, nghiên cứu khoa học (3 câu); Tài chính (4 câu); Đánh giá, kiểm định chương trình (2 câu) [7].

Có 5 giá trị theo 5 lựa chọn trả lời cho từng câu hỏi cụ thể. Mỗi lựa chọn trả lời tương ứng với 5 tỷ lệ đồng ý: Hoàn toàn đồng ý: cảm thấy rất vừa ý, vì đáp ứng được đầy đủ những nhu cầu (5 điểm); Đồng ý: cảm thấy vừa ý, đáp ứng được đầy đủ nhu cầu (4 điểm); Phân vân: còn do dự, chưa có quyết định (3 điểm); Không đồng ý: cảm thấy không vừa ý, không đáp ứng được nhu cầu (2 điểm); Rất không đồng ý: cảm thấy rất không vừa ý, hoàn toàn không đáp ứng được nhu cầu (1 điểm).

Đánh giá của của sinh viên về CTĐT được phân loại như sau: Tính mức điểm lấy điểm cao nhất trừ đi điểm số thấp nhất và chia cho 3 (khoảng =  $(5-1)/3 = 1.33$ ). Khoảng điểm trung bình được sử dụng để mô tả đánh giá của sinh viên theo các tiêu chuẩn sau (Polit & Hungler, 1999) [1], mức điểm cụ thể là:

- Tốt: số điểm  $\geq 3.67$

- Cần cải tiến: số điểm từ 3.66 - 2.33

- Cần chú ý đặc biệt: số điểm  $\leq 2.32$

Độ tin cậy của công cụ thu thập số liệu với giá trị Cronbach's  $\alpha = 0.972 - 0.968$

Thống kê mô tả: Tần số và phần trăm được tính cho tất cả các biến số gồm: Tần số và phần trăm của các biến khối lượng đào tạo; Tần số và phần trăm của các biến nội dung giảng dạy; Tần số và phần trăm của các biến phương pháp giảng dạy, đánh giá; Tần số và phần trăm của các biến tổ chức và quản lý đào tạo; Tần số và phần trăm của các biến cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy; Tần số và phần trăm của các biến kết nối giảng dạy - nghiên cứu khoa học; Tần số và phần trăm của các biến tài chính; Tần số và phần trăm của các biến đánh giá, kiểm định chương trình.

Số liệu từ câu hỏi định lượng được nhập bằng phần mềm EpiData 3.1 và xử lý bằng R- 4.0.1.

### 3. KẾT QUẢ

Mẫu nghiên cứu gồm 99 sinh viên năm cuối đang học ở khối ngành sức khỏe tại các trường đại học ở Việt Nam đạt chuẩn kiểm định bởi các tổ chức quốc tế, năm 2023, kết quả cho thấy ở 8 nội dung (43 câu), phần lớn sinh viên đánh giá về CTĐT ở mức độ tốt, nhưng tỷ lệ sinh viên đánh giá mức độ cần cải tiến và cần chú ý đặc biệt cũng ở mức cao (dao động từ 0 - 36,4%).

**Bảng 1.** Đánh giá của sinh viên về khối lượng đào tạo

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
CTĐT và đề cương được công khai	89 (89,9)	8 (8,1)	2 (2,0)
Ngành học có mục tiêu rõ ràng	96 (97,0)	3 (3,0)	0 (0,0)
Nội dung CTĐT phù hợp với mục tiêu đào tạo	93 (93,9)	5 (5,1)	1 (1,0)
Các phần học được tổ chức theo hệ thống	81(81,8)	11 (11,1)	7 (7,1)
Tỷ lệ phân bổ kiến thức và thực hành hợp lý	85 (85,9)	6 (6,1)	8 (8,1)
Chương trình có phần tự chọn	89 (89,9)	8 (8,1)	2 (2,0)
Chuẩn đầu ra nêu rõ năng lực người học cần đạt	96 (97,0)	3 (3,0)	0 (0,0)
CTĐT tích hợp năng lực theo chuẩn đầu ra	96 (97,0)	2 (2,0)	1 (1,0)
Đánh giá chung về khối lượng đào tạo	91 (91,9)	8 (8,1)	0 (0,0)

Phần lớn sinh viên phản hồi ở mức độ tốt ở tất cả các nội dung; riêng về nội dung tỷ lệ phân bổ kiến thức và thực hành hợp lý thì ở mức độ cần chú ý đặc biệt lên tới 8,1%; đánh giá chung về khối lượng đào tạo ở mức tốt đạt 91,9 %.

**Bảng 2.** Đánh giá của sinh viên về nội dung giảng dạy

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Giảng dạy nội dung phù hợp với đề cương	89 (89,9)	8 (8,1)	2 (2,0)
Đảm bảo bài tập theo quy định	79 (79,8)	9 (9,1)	11 (11,1)
Nội dung môn học thiết thực cho chuyên ngành	94 (94,9)	1 (1,0)	4 (4,0)
Giảng dạy tiếng Anh có hiệu quả	45 (45,5)	30 (30,3)	24 (24,2)
Đánh giá chung về nội dung giảng dạy	79 (79,8)	19 (12,2)	1 (1,0)

Sinh viên đánh giá về giảng dạy tiếng Anh ở mức độ cần cải tiến và cần chú ý đặc biệt là khá cao, tỷ lệ là 30,3 và 24,2%. Do đó, đánh giá chung về nội dung giảng dạy ở mức độ cần cải tiến cũng cao (12,2%).

**Bảng 3.** Đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Giảng viên có chuyên môn tốt, giảng dễ hiểu	99 (100)	0 (0,0)	0 (0,0)
Phương pháp giảng dạy tích cực	89 (89,9)	10 (10,1)	0 (0,0)
Trình độ tiếng Anh của giảng viên rất tốt	75 (75,8)	19 (19,2)	5 (5,1)
Giảng viên sử dụng phương tiện giảng hiện đại	85 (85,9)	8 (8,1)	6 (6,1)
Nhiều môn học giảng dạy bằng tiếng Anh	51 (51,5)	23 (23,2)	25 (25,3)
Phương pháp đánh giá chú trọng phát triển năng lực	89 (89,9)	7 (7,1)	3 (3,0)
Đánh giá chung về phương pháp giảng dạy	77 (77,8)	22 (22,2)	0 (0,0)

Trong 6 nội dung sinh viên phản hồi về phương pháp giảng dạy thì nội dung nhiều môn học bằng tiếng Anh ở mức độ tốt chỉ đạt 51,5%; ở mức độ cần cải tiến trong phần đánh giá chung về phương pháp giảng dạy cũng đạt tới 22,2%.

**Bảng 4.** Đánh giá của sinh viên về tổ chức và quản lý đào tạo

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Thời khóa biểu hợp lý	85 (85,9)	5 (5,1)	9 (9,1)
Trợ giảng hoạt động hiệu quả	85 (85,9)	5 (5,1)	9 (9,1)
Cán bộ quản lý đầy đủ	92 (92,9)	2 (2,0)	5 (5,1)
Cố vấn học tập nắm vững quy định về CTĐT	84 (84,8)	5 (5,1)	10 (10,1)
Có giảng viên nước ngoài	38 (38,4)	25 (25,3)	36 (36,4)
Tổ chức cho sinh viên đánh giá giảng dạy giảng viên	92 (92,9)	2 (2,0)	5 (5,1)
Tổ chức cho sinh viên đánh giá công tác quản lý	80 (80,8)	8 (8,1)	11 (11,1)
Sinh viên được giao lưu với trường khác	66 (66,7)	15 (15,2)	18 (18,2)

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
Phần mềm quản lý đào tạo hiệu quả	71 (71,7)	11 (11,1)	17 (17,2)
Có trao đổi sinh viên với trường khác	64 (64,6)	12 (12,1)	23 (23,2)
Đánh giá chung về tổ chức và quản lý đào tạo	69 (69,7)	29 (29,3)	1 (1,0)

Giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy trong phân tổ chức và quản lý đào tạo thì ở mức độ cần cải tiến và cần chú ý đặc biệt là khá cao (25,3% và 36,4%); ở nội dung cố vấn học tập nắm vững quy định về CTĐT ở mức độ cần chú ý đặc biệt cũng lên đến 10,1%. Có đến 29,3% ở mức độ cần cải tiến ở đánh giá chung về tổ chức và quản lý đào tạo.

**Bảng 5.** Đánh giá của sinh viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, kết nối giảng dạy - nghiên cứu khoa học

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Giáo trình và tài liệu tham khảo đầy đủ	76 (76,8)	11 (11,1)	12 (12,1)
Trang thiết bị phục vụ giảng dạy lý thuyết rất tốt	90 (90,9)	6 (6,1)	3 (3,0)
Trang thiết bị phục vụ giảng dạy thực hành rất tốt	79 (79,8)	9 (9,1)	11 (11,1)
Thư viện có trên 30 máy tính kết nối mạng	85 (85,9)	4 (4,0)	10 (10,1)
Phòng tự học, kí túc xá đầy đủ	69 (69,7)	12 (12,1)	18 (18,2)
Trang Web trường đầy đủ thông tin	90 (90,9)	5 (5,1)	4 (4,0)
Có hỗ trợ kinh phí nghiên cứu cho sinh viên	79 (79,8)	14 (14,1)	6 (6,1)
Có bố trí giảng viên hướng dẫn nghiên cứu	97 (98,0)	2 (2,0)	0 (0,0)
Thực hành tại cơ sở y tế đầy đủ	79 (79,8)	14 (14,1)	6 (6,1)
Đánh giá chung về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy; kết nối giảng dạy - nghiên cứu khoa học	84 (84,8)	15 (15,2)	0 (0,0)

Ở các nội dung giáo trình và tài liệu đầy đủ, có phòng tự học, ký túc xá đầy đủ, trang thiết bị phục vụ giảng dạy thì sinh viên đánh giá ở mức độ cần chú ý đặc biệt là khá cao. Do đó, đánh giá chung ở phần nội dung này ở mức độ cần cải tiến lên đến 15,2%.

**Bảng 6.** Đánh giá của sinh viên về tài chính và kiểm định CTĐT

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Học phí được công bố rõ ràng	82 (82,8)	3 (3,0)	14 (14,1)
Học phí tương ứng với chất lượng đào tạo	78 (78,8)	15 (15,2)	6 (6,1)
Có học bổng khuyến khích sinh viên	99 (100)	0 (0,0)	0 (0,0)
Có chính sách hỗ trợ sinh viên nghèo	99 (100)	0 (0,0)	0 (0,0)
Thông tin về đánh giá, kiểm định cung cấp đầy đủ	89 (89,9)	4 (4,0)	6 (6,1)
Công tác chuẩn bị đánh giá, kiểm định CTĐT được phổ biến rõ ràng	85 (85,9)	7 (7,1)	7 (7,1)
Đánh giá chung về tài chính và kiểm định CTĐT	82 (82,8)	17 (17,2)	0 (0,0)

Có đến 14,1% sinh viên đánh giá ở mức độ cần chú ý đặc biệt ở nội dung học phí được công bố rõ ràng; trong nội dung thông tin về đánh giá, kiểm định được cung cấp rõ ràng thì ở mức độ cần chú ý đặc biệt cũng lên đến 7,1%.

**Bảng 7.** Đánh giá tổng chung của sinh viên về CTĐT

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Đánh giá tổng chung của sinh viên về CTĐT	86 (86,9)	13 (13,1)	0 (0,0)

Có đến 13,1% sinh viên đánh giá chung về CTĐT ở mức độ cần cải tiến; còn ở mức độ cần chú ý đặc biệt tỷ lệ là 0%.

#### 4. BÀN LUẬN

Kết quả đánh giá của sinh viên về CTĐT ở các Trường Đại học đào tạo khối ngành sức khỏe có những đặc điểm khác biệt rất nhiều so với một số nghiên cứu tương tự trong và ngoài. Có thể là do môi trường xã hội, hệ thống đào tạo và phương pháp nghiên cứu khác nhau, nên dẫn đến sự khác biệt về kết quả.

Về đánh giá chung có đến 91,9% sinh viên đánh ở mức độ tốt, chỉ có 8,1% ở mức độ cần cải tiến; nhưng ở trong từng nội dung thì nội dung tỷ lệ phân bổ kiến thức và thực hành hợp lý có đến 8,1% sinh viên đánh giá ở mức độ cần chú ý đặc biệt (bảng 1).

So với khảo sát của trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh năm 2017 thì mức độ Tốt của nghiên cứu rất tương đồng (91,9% và 91,9%) [4], ở mức độ cần cải tiến cũng tương đương (8,1% và 6,1%); có thể các trường đại học hiện nay đều phải công khai CTĐT, mục tiêu phải rõ ràng để đáp ứng yêu cầu của kiểm định chương trình, từ đó sinh viên theo học nắm bắt rõ nội dung về khối lượng đào tạo.

Giảng dạy bằng tiếng Anh trong khảo sát này sinh viên đánh giá mức độ cần chú ý đặc biệt rất cao (24,2%), ở mức độ cần cải tiến cũng lên đến 30,3%; ở nội dung đảm bảo bài tập theo quy định thì mức độ cần chú ý đặc biệt cũng ở mức 11,1% (bảng 2). Kết quả khảo sát ở nội dung môn học thiết thực cho chuyên ngành cao hơn rất nhiều so với khảo sát đánh giá toàn của sinh viên tốt nghiệp năm 2017 của Đại học Huế, phân hiệu tại Quảng Trị (94,9 với 45,4%)[6]; nội dung giảng dạy tiếng Anh có hiệu quả trong khảo sát này ở mức độ tốt có thấp hơn so với khảo sát tại trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh năm 2018 (45,5% và 80,4%).

Do khối sức khỏe là lĩnh vực đặc thù, về tiếng Anh trong giảng dạy, do học Đại học có rất nhiều môn học chuyên ngành khác nhau, do đó khó có thể đáp ứng được giảng viên dạy tiếng Anh có chuyên môn của từng chuyên ngành. Vì vậy, sinh viên đánh giá chung về nội dung ở mức độ tốt chưa cao.

Đánh giá chung về phương pháp giảng dạy ở mức độ cần cải tiến lên đến 22,2%; trong các nội dung về phương pháp giảng dạy thì nhiều môn giảng dạy bằng tiếng Anh và trình độ tiếng Anh của giảng viên thì sinh viên đánh giá ở mức độ cần cải tiến và cần chú ý đặc biệt rất cao (bảng 3). So với khảo sát của tác giả Nguyễn Trọng Hồng Phúc và Võ Thị Thanh Phương ngành sư phạm sinh học, Đại học Cần Thơ năm 2019 thì khảo sát này ở mức độ tốt là cao hơn (78,8% và 62,4%) [8]. Tác giả Kala E. Randazzo khảo sát 14 người học tại Đại học Utah State, Mỹ năm 2021 thì tỷ lệ sinh viên đánh giá mức độ tốt về phương pháp giảng dạy cũng tương đương với khảo sát này [2].

Do giảng dạy tại các khối ngành sức khỏe đòi hỏi giảng viên phải có nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau, các phương pháp phải lấy sinh viên làm trọng tâm. Vì vậy, sinh viên đánh giá về phương pháp giảng dạy ở mức độ tốt là 77,8 % trong khảo sát này là phản ánh đúng thực tế.

Có đến 29,3% sinh viên đánh giá ở mức độ cần cải tiến trong phần chung của tổ chức và quản lý đào tạo. Trong từng nội dung của bảng 4 thì nội dung có giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy sinh viên đánh giá mức độ cần cải tiến và cần chú ý đặc biệt cao nhất; nội dung cố vấn học tập cũng cần phải lưu ý, sinh viên đánh giá ở mức độ cần chú ý đặc biệt cũng lên đến 10,1% (bảng 4).

So với khảo sát tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế năm 2019 thì nội dung có vấn đề tập nắm rõ quy định về CTĐT trong khảo sát này ở mức độ tốt có thấp hơn (> 90% và 84,8%) [6];

Trong CTĐT tiên tiến, nhà trường có ký hợp tác với trường đối tác, hàng năm trường đối tác sẽ cử giảng viên qua để trao đổi, giảng dạy, Nhưng trong bảng 4 ở các nội dung có liên quan đến giảng viên nước ngoài, trao đổi sinh viên thì ở mức độ tốt đều ở mức thấp. Có thể trong thời gian vừa qua dịch Covid trên toàn cầu ảnh hưởng đến việc đi lại giữa các giảng viên và sinh viên ở các trường.

Ở các nội dung giáo trình và tài liệu đầy đủ, có phòng tự học, ký túc xá đầy đủ, trang thiết bị phục vụ giảng dạy thì sinh viên đánh giá ở mức độ cần chú ý đặc biệt là khá cao; do đó, đánh giá chung ở phần nội dung này ở mức độ cần cải tiến lên đến 15,2% (bảng 5). Khảo sát tại trường Đại học Tây Nguyên năm 2020 thì cơ sở vật chất ở mức độ tốt khá thấp (61%) [9], trong khi các nội dung liên quan đến cơ sở vật chất trong khảo sát này đều từ 69,7% trở lên.

Đối với lĩnh vực đào tạo ở khối ngành sức khỏe, có rất nhiều môn học trong một CTĐT, có những môn học lẻ và mới thì giáo trình và tài liệu tham khảo rất khó tìm, và lại với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật như hiện nay, việc viết giáo trình chưa theo kịp, do đó có thể lý giải cho tỷ lệ thấp nêu trên. Qua khảo sát này cho thấy sự cần thiết việc đầu tư thêm cơ sở vật chất tại các trường đại học trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là thư viện có máy tính kết nối mạng và thúc đẩy giảng viên cập nhật giáo trình.

Trong các nội dung của bảng 6 thì nội dung học phí được công bố rõ ràng và học phí tương ứng với chất lượng đào tạo ở mức tốt là thấp nhất (82,8% và 78,8%). Nghiên cứu của Huỳnh Anh Tuấn và Đỗ Thị Anh Thư trên sinh viên trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội nội dung đánh giá, kiểm định chỉ đạt 72% [5], thấp so với khảo sát này (89,9%) (bảng 6). Việc sinh viên đánh giá học phí với chất lượng đào tạo trong khảo sát này có thể chưa phản ánh đúng thực trạng, bởi vì thông thường sinh viên kỳ vọng những việc mình được thụ hưởng bao giờ cũng ở mức cao.

Đánh giá chung của sinh viên về CTĐT (bảng 7) cho thấy ở mức tốt đạt 86,9%, ở mức độ cần cải tiến là 13,1%. Từ tỷ lệ này các trường nên rà soát tổng thể từng nội dung, xem xét lại những nội dung nào sinh viên đánh giá mức độ tốt còn thấp, tìm nguyên nhân và đưa ra những giải pháp để cải tiến, mang lại sự hài lòng của người học, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

## 5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cắt ngang mô tả được tiến hành trên 99 sinh viên đang học năm cuối ở các khối ngành sức khỏe tại các trường đạt kiểm định quốc tế, năm 2023 nhằm xác định mức độ chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ mức độ tốt là 86,9%; mức độ cần cải tiến là 13,1%; mức độ cần chú ý đặc biệt là 0%.

## 6. KIẾN NGHỊ

Nhà trường thường xuyên đánh giá CTĐT và phản hồi kết quả đến với sinh viên sẽ giúp cho sinh viên cập nhật được cái mới, hiện đại hơn. Chú trọng đầu tư tăng cường trang thiết bị dạy và học, xây dựng mạng lưới thông tin, thư viện và thư viện điện tử đủ mạnh; hợp cố vấn học tập hàng tháng định kỳ trao đổi với trường đối tác về giảng viên và sinh viên đáp ứng nhu cầu của các bên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BP Hungler, DF Polit (1999) Principles and Methods, Nursing Research;
2. Kala E. Randazzo (2021) “A Program Evaluation of Competency Training Within a College Student Health Center”. Utah State University, 8202 ( All Graduate Theses and Dissertations), pp29-44;
3. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (2023) Chỉ tiêu tuyển sinh Đại học năm 2023, <https://thanhuytphcm.vn/tin-tuc/nam-2023-truong-dai-hoc-y-khoa-pham-ngoc-thach-co-1-366-chi-tieu-tuyen-sinh-dai-hoc-1491909116>, ngày truy cập 2/8/2023;
4. Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (2017) Báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo;

5. Huỳnh Anh Tuấn, Đỗ Thị Anh Thư (2017) “Quan điểm của sinh viên về thực trạng chương trình đào tạo tiếng Anh nhiệm vụ chiến lược tại Đại học Quốc gia Hà Nội”. Nghiên cứu Nước ngoài, 33 (2), tr 132 - 145;
6. Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế (2018) Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về các hoạt động giáo dục của nhà trường;
7. Cục Quản Lý Chất Lượng, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (2019) Hướng dẫn đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục Đại học;
8. Nguyễn Trọng Hồng Phúc, Võ Thị Thanh Phương (2019) “Đánh giá của cựu sinh viên về chương trình đào tạo ngành Sư phạm Sinh học, Trường Đại học Cần Thơ”. Khoa học Đại học Cần Thơ, 55, tr 105 - 114;
9. Trường Đại học Tây Nguyên (2020) Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo của trường.